

TRI THỨC ĐỊA PHƯƠNG CỦA NGƯỜI MẺ Ở VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN THẮNG*

Tóm tắt: Người Mẻ ở Việt Nam là tộc người có dân số ít, cư trú tập trung ở tỉnh Lai Châu. Tri thức địa phương của người Mẻ trong khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên thiên nhiên khá phong phú, đa dạng. Tuy nhiên, tri thức địa phương của người Mẻ đã và đang bị mai một do nhiều yếu tố tác động như kinh tế, văn hóa xã hội, chính sách,... Vì vậy, cần quan tâm hơn nữa đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị của tri thức địa phương của người Mẻ.

Từ khóa: Người Mẻ ở Việt Nam; người Mẻ ở Lai Châu; dân tộc Mẻ; Tri thức địa phương của dân tộc Mẻ; Dân tộc Mẻ với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

Mở đầu

Người Mẻ là tộc người dân số ít có mặt khá sớm ở Tây Bắc và là tộc người bản địa với những truyền thuyết về khai phá đất đai, chống giặc ngoại xâm, xây dựng quê hương, đất nước. Người Mẻ cư trú tại 14 tỉnh thuộc 5 vùng kinh tế, nhưng tập trung đông nhất ở Lai Châu (3.631 người chiếm 98,13%). Là tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khmer, ngữ hệ Nam Á, người Mẻ có hai nhóm là Mẻ Gúng và Mẻ Lẻ, nhưng về cơ bản những tập tục sinh hoạt, sinh kế, ngôn ngữ, tín ngưỡng,... của hai nhóm rất tương đồng. Nền kinh tế của người Mẻ chủ yếu là tự cung tự cấp.

Là tộc người "ăn nương" và cư trú ở những vùng khó khăn, người Mẻ có kho tàng tri thức địa phương được đúc kết qua nhiều thế kỷ khá phong phú về

đất, nước, rừng, thời tiết và khí hậu. Đến nay, những giá trị ấy vẫn được phát huy trong đời sống người Mẻ bên cạnh những giá trị văn hóa mới.

1. Tri thức địa phương trong khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên đất

Tri thức trong khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên đất của người Mẻ ở Việt Nam rất đa dạng, thể hiện trong nhiều mặt như việc quản lý đất, trồng trọt, phân định ranh giới, tìm kiếm nương mới,...

- Chọn đất

Là tộc người "ăn nương", với kinh nghiệm truyền thống của cha ông để lại, người Mẻ thường chọn những chỗ đất có cây cỏ xanh tốt quanh năm, nhiều cây to, nhiều mùn, nhiều nấm mối, nhiều lỗ

(*) Thạc sĩ, Viện Nghiên cứu vùng Tây Nguyên.

giun đào, đất màu đen, mưa xong không đọng nước,... để khai hoang thành nương rẫy. Theo kinh nghiệm, đây là những chỗ đất tốt, canh tác có thể cho năng suất cao với các loại cây trồng. Họ không chọn đất làm nương ở những khu vực đầu nguồn để tránh làm bẩn nguồn nước; không chọn đất ở những nơi gần nghĩa địa, vì sợ làm ảnh hưởng tới người đã mất; không chọn những nơi có cỏ tranh, cỏ gà, cây hoa xấu hổ (có nơi gọi là hoa Trinh nữ), cây hoa ngũ sắc, cây thực mục, nhiều đá sỏi, bề mặt đất cứng, ít cây cối vì đây là những nơi đất không tốt, đất cằn; không chọn những nơi quá gần với dòng chảy của những con sông, suối tránh bị lũ cuốn trôi.

Khoảng đầu tháng 2 những người dân trong bản vào rừng chọn đất khai hoang. Đến đầu tháng 3 khi thời tiết còn khô hanh, họ bắt đầu phát nương, chặt cây to, phát cây nhỏ, để khô và đốt cho cháy hết. Khi chặt và đốt họ kiêng không chặt những cổ thụ và cây độc. Đốt rẫy là biện pháp làm sạch nương mang lại nhiều hiệu quả cho cây trồng. Nương sau đốt sẽ ngăn ngừa được sâu bệnh, cỏ dại trong thời gian nhất định và cung cấp một lượng khoáng cho cây trồng thông qua lớp tro của những cây bị đốt. Khi chọn đất và phát nương, người Mảng thường tiến hành các lễ thức tâm linh nhằm cầu cúng thần linh và trời đất trợ giúp họ có được mảnh nương rẫy tốt, cầu cho cây trồng trên nương rẫy đó không bị sâu bệnh, được mùa.

- *Chống xói mòn đất*

Hầu hết các tộc người canh tác nương rẫy đều biết cách chống xói mòn cho đất, giảm thiểu những thiệt hại do tác động của con người hoặc tự nhiên vào đất để mặt đất không bị rửa trôi. Đây là một vấn đề quan trọng, đảm bảo cho những mùa vụ tiếp sau có năng suất cao. Bằng nhiều cách khác nhau, họ giữ gìn bề mặt đất, nơi lưu giữ những khoáng chất cần thiết cho cây trồng. Khi chọn đất làm nương rẫy, họ không chọn những nơi có rãnh nước chảy qua, hay những điểm có rãnh nước chảy, nếu có họ chỉ chọn ven những dòng chảy nhỏ.

Chọn nương xong, người Mảng tạo ra những đường thoát nước cho nương của mình bằng cách, tạo ra những rãnh nước phía trên và hai bên hông của nương; khi có mưa nước sẽ theo rãnh chảy xuống phía dưới, không làm ảnh hưởng tới mặt nương. Bên cạnh đó, biện pháp trồng xen canh cũng là một tri thức trong việc chống xói mòn. Khi trồng cây lương thực chính (lúa) trên nương, họ thường trồng thêm các cây khác như bí, khoai lang, cà,... Đây là những loại cây thân leo, bò sát mặt đất để giữ ẩm và chống xói mòn bề mặt đất, tăng giá trị sử dụng đất.

- *Công cụ lao động*

Công cụ lao động của người Mảng và nhiều tộc người canh tác nông nghiệp nương rẫy khác rất đơn giản, bao gồm dao, rìu, gậy, *ma rả íp*, gùi,... Dùng gậy chọc lỗ tra hạt là cách làm truyền thống được bà con đúc rút qua nhiều đời và hiện nay, đây vẫn là kỹ thuật được sử

dụng phổ biến. Chọc lỗ tra hạt không làm cho lớp bề mặt đất vỡ và tránh bị rửa trôi khi gặp nước, đây là cách chống xói mòn hiệu quả trên những diện tích canh tác có độ dốc cao. Kỹ thuật chọc lỗ để tra hạt thích hợp cho việc canh tác trên những mảnh nương dốc. Đàn ông đi trước, hai tay cầm gậy chọc lỗ theo nhịp bước chân, đàn bà đi theo sau gieo hạt và lấp đất. Gậy chọc lỗ và ống đựng hạt là những dụng cụ đặc trưng với kỹ thuật gieo hạt nói chung và canh tác nương rẫy của người Mảng nói riêng. Gậy được vót nhọn một đầu hoặc cả hai đầu, nặng vừa phải. Ống đựng hạt được làm bằng một gióng của cây tre mai, một đầu kín và một đầu thủng. Kỹ thuật chọc lỗ, bỏ hạt này là cách làm đất tối thiểu có thể tiết kiệm diện tích đất bị đào sới, chống xói mòn tốt.

- *Giống cây trồng và nông lịch của người Mảng*

Giống cây trồng (*plăng hỏ thăm đô nhỏa*) được bà con tuyển chọn rất kỹ từ những bông lúa, quả bí, quả bầu,... đem phơi thật khô và cho vào các túi nhỏ để trên gác bếp, riêng với lúa nếp thì để cả bông, túm lại thành những túm lớn rồi để lên gác bếp. Đây là cách làm truyền thống, hạt giống để trên gác bếp sẽ tránh được mối, mọt và khô hơn nhờ hàng ngày có nhiệt độ thích hợp toả ra từ bếp đun. Khi thu hoạch về, họ chọn những bông lúa có hạt mẩy nhất, đều nhất để làm giống cho vụ sau. Hầu hết người dân đều sử dụng các giống lúa truyền thống để gieo trồng; ít hộ canh tác các

giống lúa mới, vì họ cho rằng các giống lúa mới không thật phù hợp và làm cho đất bạc màu nhanh hơn, các giống lúa mới chủ yếu dùng trong canh tác dưới ruộng nước.

Trong việc trồng trọt, người Mảng rất quan tâm tới thời điểm gieo trồng và tri thức ấy được cụ thể bằng nông lịch. Điều này giúp họ tránh được mưa lớn làm rửa trôi đất và tàn phá cây trồng, mặt khác có thể bảo vệ được mặt đất khi đã được cây trồng phủ kín. Từ xa xưa người Mảng dựa vào tuần trăng, mùa hoa nở và tiếng muông thú kêu để xác định nông lịch. Tuy vậy, họ cũng dựa nhiều vào cách tính lịch của các tộc người khác để tính toán mùa vụ. Theo người Mảng một năm có 12 tháng, mỗi tháng có 30 ngày và ngày cũng được tính theo 12 con giáp. Ngày Tý (Nĩ Chở), ngày Sửu (Nĩ Plộ), ngày Dần (Nĩ Nhị), ngày Mão (Nĩ Mỏ), ngày Thìn (Nĩ Sĩ), ngày Tỵ (Nĩ Hẩn), ngày Ngọ (Nĩ Sảng Hả), ngày Mùi (Nĩ Một), ngày Thân (Nĩ Plố), ngày Dậu (Nĩ Rỗ), ngày Tuất (Nĩ Mýt), ngày Hợi (Nĩ ở). Mỗi tháng trong năm đều gắn với các hoạt động sản xuất riêng đảm bảo cho mùa vụ thu hoạch được năng suất cao nhất.

- *Canh tác*

Người Mảng thường luân canh trên nương rẫy của mình, mỗi gia đình có từ 5 đến 10 mảnh rẫy khác nhau để trồng trọt, đảm bảo lương thực cho gia đình. Khi mảnh rẫy đang sử dụng bạc màu, cây trồng không cho năng suất cao, thì họ bỏ hoá mảnh rẫy đó để cây rừng tái

sinh và chỉ quay trở lại khai thác sau 5 đến 7 năm. Cứ như vậy, những khoảnh đất này sẽ lần lượt được sử dụng luân phiên nhau. Thời gian bỏ hoá càng dài thì đất càng tốt, có những mảnh đất được bỏ hoá từ 10 năm đến 20 năm. Với phương thức canh tác “*rừng - rẫy - rừng tái sinh - rẫy*”, thời gian canh tác ngắn và thời gian bỏ hoá dài, đất có đủ thời gian để phục hồi độ phì nhiêu, vì vậy, thích hợp trong điều kiện cây trồng không được bón phân và đất đai rộng.

Xen canh trên nương rẫy là một biện pháp chống xói mòn đất hiệu quả. Lúa là cây trồng chính trên nương rẫy nhưng họ thường trồng xen nhiều loại cây khác như ngô, đậu, bầu, bí, vừng,... Sắn, ngô, vừng được trồng quanh nương rẫy, còn các loại cây họ đậu được trồng xen với lúa. Mỗi loại hạt giống được gieo vào những thời điểm khác nhau; ngô được gieo trước; lúa, đậu, bầu bí được gieo sau. Họ cũng có thể gieo các loại đậu và lúa cùng nhau. Đây là việc làm đảm bảo sự che phủ mặt đất không cho mưa trực tiếp tác động vào đất, giảm động năng của hạt mưa khi rơi xuống đất hạn chế được xói mòn. Bên cạnh đó, thảm thực vật còn có tác dụng làm chậm tích tụ nước, giảm năng lượng gió, tạo kết cấu bền của thể đất, tăng độ thấm nước vào đất, tăng ma sát cơ học thông qua thảm lá rụng và bộ rễ, hạn chế được xói mòn đất. Việc trồng xen là một biện pháp tận dụng tối đa các nguồn lực sản xuất, tăng giá trị cây trồng trên một diện tích đất. Ngoài ra, xen canh cây họ đậu còn có

khả năng cố định ni-tơ tự do trong không khí tạo ra phân đạm, nguồn dinh dưỡng quan trọng của cây trồng.

Đất vườn (*ma ồm*) và cây trồng trong vườn không được coi trọng, hầu hết các gia đình người Mảng không có diện tích đất vườn theo đúng nghĩa mà mỗi gia đình thường trồng một số cây rau (*agi*) trên một khu đất ở gần nhà và một số cây trồng khác trong khu đất đó để cải thiện thực phẩm trong bữa ăn hằng ngày.

Như vậy, tri thức trong khai thác sử dụng và quản lý đất của người Mảng tuy không phải là giải pháp tổng thể để bảo vệ đất, song việc sử dụng hợp lý và có hiệu quả đất đã phần nào đóng góp tích cực vào việc bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo vệ sự đa dạng của môi trường sống, hoà hợp được nhu cầu khai thác, phục vụ cuộc sống và bảo tồn môi trường sống của chính mình.

- *Quản lí và phân định ranh giới nương rẫy*

Việc phân định ranh giới đất nương là vấn đề tương đối quan trọng, đảm bảo sự yên ổn, đoàn kết của mọi người, đồng thời nó cũng là điểm làm tăng thêm tính chủ động của từng nhóm người trong cộng đồng đối với diện tích đất của mình. Người Mảng thường dùng khe nước, hòn đá to, cây lớn, lối mòn,... để phân định các mảnh nương khác nhau của các hộ trong bản; họ thường lấy mốc là một con suối, ngọn núi, hoặc cánh rừng để phân định đất canh tác của các bản khác nhau. Trong thực tế, ít có những tranh chấp xảy

ra đối với người Mảng ở vùng Tây Bắc, vì diện tích đất canh tác còn nhiều, lối sống hoà thuận, đoàn kết, tương thân, tương ái của người dân đã làm giảm tối đa những tranh chấp.

2. Tri thức địa phương trong khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên rừng

Rừng có ý nghĩa vô cùng quan trọng với người Mảng. Từ xa xưa, cuộc sống của họ đã gắn liền với rừng, rừng đem lại cho họ nguồn lợi về lương thực và thực phẩm để tồn tại và phát triển. Trong cuộc sống, người Mảng cũng dành cho rừng, cho môi trường tự nhiên một cách ứng xử rất công bằng và tôn trọng. Không hành động nào xúc phạm tới rừng và thần lại được tha thứ. Từ bao đời nay người Mảng đã đúc rút cho mình những tri thức quý giá trong cuộc sống và trong ứng xử với môi trường tự nhiên. Với tín ngưỡng vạn vật hữu linh họ cho rằng từng ngọn cây, con suối, cánh rừng đều có linh hồn. Như vậy, từ trong tâm thức họ đã thiêng hoá tự nhiên, thiêng hoá rừng, gắn cho những đối tượng ấy sự thiêng, buộc mọi người phải tôn trọng. Vì quan niệm từ hòn đá, nguồn nước đến cây cỏ,... đều có thần linh, ma trú ngụ nên những ai có nhu cầu chặt cây, đốt cây, đốt rẫy, lấy nước đều phải thực hiện các nghi lễ với những vật cúng để xin làm việc mình mong muốn.

Người Mảng chia rừng thành 3 loại chính là rừng thiêng, rừng đầu nguồn và rừng phục vụ cuộc sống. Với rừng thiêng thì mặc nhiên các thành viên

trong bản và các bản khác tuyệt đối không được chặt phá, nơi đó thường để cúng ma rừng. Rừng đầu nguồn cũng vậy, họ không chặt phá và không cho phép chặt phá, những cánh rừng ấy là nơi duy trì và cung cấp nước cho cuộc sống của mọi người. Ai vi phạm vào hai loại rừng trên thì sẽ bị xử phạt của làng bản và sự trừng trị của thần linh. Với rừng phục vụ cuộc sống, mọi người có thể khai thác lấy gỗ làm nhà, làm áo quan cho người chết, làm nương rẫy,... Tuy nhiên, khi chặt cây, phát nương ở những cánh rừng này thì phải làm lễ xin phép thần linh và đảm bảo rừng không bị chặt phá hết mà chặt từng mảng, từng rẻo khác nhau.

Trong các hoạt động khai thác gỗ và các nguồn lợi từ rừng, phải đảm bảo việc khai thác và chung sống với rừng của cộng đồng không bị ảnh hưởng. Khi cần một lượng gỗ nhất định để làm nhà hoặc một công việc gì khác, họ thường khai thác ở nhiều cánh rừng khác nhau chứ không lấy gỗ ở một cánh rừng. Như vậy, các cây sẽ được chặt ở nhiều nơi khác nhau, điều này không làm ảnh hưởng tới độ che phủ cũng như phá vỡ hệ sinh thái của khu rừng. Chặt cây được người Mảng ví như những vết sẹo nhỏ trên cơ thể rừng, trong một thời gian ngắn nó sẽ tự động lành lại mà không gây ra những hệ lụy nguy hại cho cơ thể.

Ở mỗi bản, người Mảng đều có một khu rừng thiêng, đây không phải là khu rừng nghĩa địa mà là khu rừng cấm chặt phá và để thờ cúng ma rừng. Trước đây,

những khu rừng này là phổ biến ở tất cả các bản người Mảng sinh sống, nhưng nay, những khu thờ hay chỗ thờ trong rừng thì vẫn còn, song những cánh rừng đã mất do các tộc người cộng cư, cận cư thực hiện. Là tộc người làm nương rẫy, hàng năm vào khoảng tháng 3, tháng 4 họ tiến hành đốt nương để chuẩn bị trồng cây lương thực. Khi đốt, họ thường vén cây ở ven nương vào một quãng hoặc rón sạch phần rìa nương để đảm bảo khi đốt lửa không cháy lan vào rừng. Đây là việc làm bắt buộc, bởi họ cho rằng, nếu rừng bị cháy sẽ có ảnh hưởng không tốt tới nương, thú rừng sẽ chạy hết và những cuộc đi săn của họ sẽ không thu được kết quả.

Rừng còn cho họ những nguồn lợi về thực phẩm tự nhiên phong phú. Người Mảng thường vào rừng lấy các loại rau (như xắt, ngót rừng, rau chua, măng) và các loại thảo mộc (như nấm, mộc nhĩ, xa nhân, ngũ bì,...). Ngoài việc đảm bảo thực phẩm hàng ngày, những loại cây có tác dụng làm thuốc họ đem phơi khô rồi để lên gác bếp dùng khi ốm đau.

Rừng có vai trò quan trọng trong đời sống người Mảng, tuy nhiên, việc tổ chức quản lý rừng của cộng đồng rất hạn chế, không có người quản lý và chăm lo cho rừng. Trưởng bản cũng chỉ thực hiện các lễ thức và tổ chức các cuộc săn bắt, khai thác rừng chứ hoàn toàn không có việc tổ chức bảo vệ, kiểm tra,... rừng như các già làng hay có một thiết chế rõ ràng như *pô lẩn* (chủ đất) của đồng bào Ê Đê ở Tây Nguyên.

3. Tri thức địa phương trong khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên nước

Có thể nói rằng việc đúc rút kinh nghiệm, trao truyền cho thế hệ sau những hiểu biết của người đi trước là vô cùng quan trọng với các tộc người nói chung, đặc biệt là tộc người Mảng sinh sống ở những vùng khó khăn. Tri thức về dự báo thời tiết là rất quan trọng, cuộc sống dựa vào nương rẫy của họ sẽ bị đe dọa trực tiếp nếu không hiểu biết những quy luật của tự nhiên ảnh hưởng tới mùa màng như nắng, mưa, gió, bão,...

Khi trời đang có đợt mưa kéo dài mà có nai, hoẵng kêu thì đó là báo hiệu trời sẽ có nắng; ngược lại, khi trời đang nắng mà có nai, hoẵng kêu thì đó là báo hiệu trời sắp mưa. Nếu kiến đen, kiến vàng dọn tổ kéo nhau lên cao thành đàn thì đó là báo hiệu sắp có mưa lũ. Trời nhiều mây xám và có chuồn chuồn bay thấp là sắp có mưa dầm trong nhiều ngày. Đến mùa hạ trời đang nắng nóng nếu buổi trưa có nhiều mây trắng kéo tới nhanh thì chiều sẽ có mưa to, mưa đá. Những con bướm bay dọc theo suối cạn vào tháng 3 là báo hiệu sẽ có hạn hán kéo dài. Trong sản xuất nông nghiệp, nếu có mưa đá sớm thì được mùa ngô. Khi chim *banh bong banh bọc* kêu thì mùa tra hạt đã tới và khi tiếng chim *ilit* kêu thì mùa gặt đã tới gần... Đó là những tri thức dân gian về nước và mùa vụ của người Mảng còn lưu giữ tới ngày nay.

Khi đánh bắt tôm, cá ngoài sông, suối, người Mảng không bao giờ ruốc cá -

thuốc cá⁽¹⁾. Họ ý thức rõ ràng đây là việc làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới những sinh vật khác sống dưới nước, làm ô nhiễm chính nguồn nước sinh hoạt của cộng đồng. Khi đánh bắt, người Mảng dùng chài để quăng, lờ để úp, lưới đánh, lờ, đó để nhử cá và đôi khi họ dùng tay để bắt cá. Đây cũng là một nguyên nhân lý giải cho sự phát triển của nghề đan, trong đó có nghề đan chài, lưới ở tộc người này.

Hiện nay, 100% số hộ gia đình người Mảng dùng nguồn nước ở các khe suối (*tà nùng giùm*) cho nấu ăn, tắm rửa và các sinh hoạt khác của gia đình mà không qua bất kỳ hệ thống xử lý nước nào. Vì vậy, họ luôn có ý thức trong việc giữ sạch nguồn nước.

4. Xu hướng biến đổi tri thức địa phương

a. Nguyên nhân của biến đổi

Ảnh hưởng của chính sách là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới tình trạng biến đổi các tri thức địa phương. Với các chính sách hỗ trợ người dân vùng đặc biệt khó khăn của Chính phủ, người Mảng đã và đang được nhận những chương trình hỗ trợ phát triển về kinh tế xã hội, như các chương trình 132, 134, 135, 167, Chương trình hỗ trợ gạo,... Tuy vậy, ở một góc nhìn khác, đây cũng là một trong những nguyên nhân góp phần vào việc người Mảng dần quên những tri thức dân gian của mình trong việc khai phá đất đai, trồng trọt, thu lượm các nguồn lợi tự nhiên, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ rừng,...

Kinh tế của các hộ gia đình người

Mảng ngày một phát triển. Nhiều gia đình người Mảng hiện nay đã có xe máy, bàn, tủ, đài, báo và tivi. Người Mảng đã dần chuyển dịch đa dạng nguồn thu nhập của gia đình mình bằng nhiều cách mà không phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên. Ở các bản, đã có những quán hàng kinh doanh nhỏ những sản phẩm tiêu dùng hàng ngày như xà phòng, giấy dép, quần áo, thực phẩm đóng chai, đóng gói, thậm chí cả thực phẩm tươi sống. Những hình thức kinh doanh mới đã làm mai một các giá trị của tri thức địa phương của người Mảng ở Việt Nam.

Văn hóa - xã hội và thông tin liên lạc cũng đang làm thay đổi dần tri thức địa phương của người Mảng. Mạng lưới thông tin liên lạc đã và đang phát triển mạnh ở hầu hết các bản của người Mảng. Việc tiếp cận thông tin của người dân trở nên dễ dàng, những thành tựu khoa học kỹ thuật dần trở nên phổ cập hơn trong đời sống của cộng đồng. Vì vậy, tri thức địa phương dần bị mai một, hoặc không còn phù hợp, hoặc không đem lại các giá trị như mong muốn của người dân.

b. Xu hướng biến đổi tri thức địa phương

Tiếp nhận những giá trị mới và mất dần tri thức truyền thống là xu thế đã và đang diễn ra đối với các giá trị văn hóa

⁽¹⁾ Dùng thuốc độc được chế biến từ vỏ cây, nhựa cây đổ xuống một khúc sông, suối làm cho cá chết nổi lên. Đây là cách đánh bắt tàn diệt thủy sinh, bị người Mảng nghiêm cấm trong cộng đồng.

của nhiều tộc người ở Việt Nam. Người Mảng có sự giao lưu văn hóa với các tộc người lớn hơn trong nhiều thế kỷ, đặc biệt là người Thái. Điều đó đã làm giàu cho văn hóa Mảng, nhưng cũng làm mất đi một số giá trị văn hóa của họ. Chẳng hạn, khi tiếp biến với nghề dệt vải của người Thái thì hầu hết các công cụ, cách thức dệt của người Mảng đã học theo người Thái. Hiện nay, người Mảng đã dùng các sản vật, tiền để đổi hay mua vải, quần áo may sẵn mà gần như đã quên hết nghề dệt vải của cha ông mình.

Dung hợp và biến thể tri thức truyền thống là hiện tượng khá phổ biến trong bối cảnh tiếp biến văn hóa, giao thoa văn hóa hiện nay. Việc sinh sống xen cài của nhiều tộc người trong cùng một đơn vị cư trú đã trở nên phổ biến,... Vì vậy, tri thức địa phương cũng dung hợp và biến thể trong một phạm vi nhất định.

Khi tiếp cận với các phương tiện thông tin truyền thông (như đài, báo, sách, ti vi,...) thì họ dần tiếp nhận những giá trị mới, những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới và từ đó áp dụng vào trong đời sống, nâng cao nhận thức, cải thiện từng bước đời sống vật chất và tinh thần. Như vậy, một số tri thức áp dụng trong canh tác nương rẫy, chọn đất, giải thích các hiện tượng tự nhiên, bảo vệ nguồn nước,... đã mất hẳn.

Kết luận

Các giá trị văn hóa bị mai một là thực trạng đáng lo ngại không chỉ với tộc người Mảng mà còn với hầu hết các tộc người thiểu số ở Việt Nam. Tiến bộ

của khoa học kỹ thuật là tiền đề cho tăng trưởng kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, áp dụng khoa học kỹ thuật vào vùng đồng bào tộc người Mảng còn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Vì vậy, kết hợp tri thức địa phương và khoa học kỹ thuật là việc làm cần thiết trong bối cảnh hiện nay.

Bảo tồn đa dạng tri thức bản địa của người Mảng ở Việt Nam nhằm phục vụ công tác phát triển kinh tế xã hội và giảm nghèo ở địa phương. Tuy nhiên, không phải tri thức địa phương nào của người Mảng cũng có hạn chế và cần loại bỏ, mà có những tri thức địa phương có giá trị cần phát huy. Vì vậy, cần có các biện pháp bảo tồn, phát huy các tri thức như bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước, sản xuất nông nghiệp,...

Tài liệu tham khảo

1. Vi Văn An (1999), "Những người còn giữ tục cổ xăm cằm", Tạp chí *Dân tộc và Thời đại*, số 2, tr. 9.
2. Mạc Đình Dĩ, Châu Hồng Thuỷ, Lý A Sán (1985), *Truyện cổ Mảng*, Nxb Văn Hoá, Hà Nội.
3. Ngọc Hải (2003), *Bản sắc văn hoá dân tộc Mảng*, Nxb Văn hoá dân tộc, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Thắng (2007), *Phong tục và tín ngưỡng của người Mảng ở xã Nậm Ban, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu*, Luận văn thạc sĩ, Viện Nghiên cứu Văn hóa.
5. Ngô Đức Thịnh (1974), "Quá trình tan dã trong gia đình lớn của người Mảng hiện nay", Tạp chí *Dân tộc học*, số 2, tr 53 - 64.
6. Thanh Thiên (1972), *Nhóm Mảng trong những nhóm dân tộc ngữ hệ Nam Á ở Tây Bắc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

